

Số: 5/BC-UBND

Văn An, ngày 05 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023
Và phương hướng nhiệm vụ thực hành TKCLP năm 2024**

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Hải Dương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 5510/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Chí Linh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành phố Chí Linh giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 14/3/2023 của UBND thành phố Chí Linh về việc Triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023;

Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 22/3/2023 của UBND phường Văn An về việc Triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phường Văn An năm 2023;

UBND phường Văn An báo cáo kết quả thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 trên địa bàn cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện THPTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về THPTK,CLP

Năm 2023, UBND phường tiếp tục chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Trong đó quan tâm, chú trọng việc học tập, triển khai thực hiện Luật THPTK, CLP; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo; Các Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Chương trình tổng thể THPTK-CLP năm 2023.

Công tác tuyên truyền về THPTK, CLP được triển khai kịp thời bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng; Công tác kiểm tra, giám sát



của các cấp, các ngành được tăng cường; Công tác biểu dương, khích lệ đối với tập thể, cá nhân tiên tiến, điển hình được quan tâm chú trọng, đồng thời tích cực đấu tranh, phê phán hành vi tham nhũng, lãng phí, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội và ngăn chặn, hạn chế thất thoát, lãng phí.

Đài Truyền thanh tích cực đưa tin về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí của cơ quan, đơn vị. Biểu dương, khích lệ các tập thể, cá nhân tiên tiến, điển hình trong thực hành, tiết kiệm chống lãng phí để góp phần lan tỏa sâu rộng ý thức, trách nhiệm của các ngành và nhân dân trong tỉnh trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đồng thời, tích cực đấu tranh, phê phán các hành động tham ô, tham nhũng, lãng phí trong sử dụng ngân sách, tài sản, khai thác tài nguyên, khoáng sản.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Hải Dương năm 2023; UBND thành phố Chí Linh ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 14/3/2023 của UBND thành phố Chí Linh về việc Triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; UBND phường đã thực hiện xây dựng kế hoạch triển khai chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của UBND phường Văn An với mục tiêu nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác THTK, CLP trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế- xã hội, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn phường.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính và xác định rõ các nội dung phải THTK, CLP theo quy định của Luật, từ đó đề ra các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm.

II. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

** Việc ban hành các định mức, tiêu chuẩn, chế độ:*

UBND phường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ liên quan đến định mức, tiêu chuẩn, chế độ kịp thời theo quy định hiện hành. Các văn bản ban hành đều phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng ngân sách của phường; Ban hành Quy chế Quản lý tài sản công nhằm tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Trong năm đơn vị đã thực hiện công khai theo đúng quy định.

b) THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước:

Năm 2023 căn cứ vào các quy định hướng dẫn của UBND thành phố Chí Linh, phòng Tài chính – Kế hoạch và thực hiện quy định của Luật Ngân sách

Nhà nước trong tất cả các khâu: Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí NSNN:

- Công tác xây dựng và giao dự toán NSNN đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của phường cùng với yêu cầu chi tiêu công đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, sát với khả năng ngân sách và nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của đơn vị; Đảm bảo nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, phù hợp với dự toán được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng trên địa bàn. Nguồn dự phòng ngân sách đã được quản lý một cách chặt chẽ, chi đúng quy định của luật NSNN.

* *Trong quản lý thu NSNN:* UBND phường đã chỉ đạo sát sao thu, nộp các khoản lệ phí đảm bảo đạt dự toán giao năm 2023.

* *Trong quản lý chi NSNN:* thực hiện ngay từ đầu năm việc xác định và giao dự toán tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện nguồn cải cách tiền lương số giao tiết kiệm 10% là: 67,5 triệu đồng.

Chỉ đạo bộ phận tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách, triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước; Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ chế khoán chi và bố trí kinh phí theo hiệu quả công việc; Cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi công tác nước ngoài, chi cho hoạt động lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác; Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương. Trong trường hợp phát hiện các cấp, sử dụng ngân sách không đúng, có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ thực hiện đúng đối tượng và có hiệu quả.

c) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc:

Công tác xây dựng, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư đã tuân thủ quy định của Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, với các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch huy động nguồn lực đầu tư, đảm bảo tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực của năm 2022 và giai đoạn 2021 – 2025.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, dự toán tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định 32/2015/NĐ-CP, Chỉ thị số 1792/CT-TTg, Chỉ thị số 27/CT-TTg, Chỉ thị số 14/CT-TTg của Chính phủ. Phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được xét duyệt và khả năng bố trí vốn.

Công tác tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Thông qua

công tác đấu thầu đã lựa chọn được các nhà thầu có kinh nghiệm, năng lực thực hiện dự án, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện, giảm chi phí đầu tư.

Công tác quản lý, bố trí vốn đầu tư được triển khai kịp thời, đảm bảo theo nguyên tắc: Tập trung thanh toán nợ XDCB, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án hoàn thành các năm trước và hoàn thành trong năm kế hoạch để đưa vào khai thác sử dụng, tăng cường biện pháp xử lý nợ đọng XDCB nguồn vốn đầu tư công.

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc ngày càng chặt chẽ, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả.

d) THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên:

- Trong quản lý đất đai: Đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất đúng quy định, tiết kiệm có hiệu quả.

- Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Tiếp tục thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường đến năm 2023; Triển khai thực hiện đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn phường.

e) THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Trong thời gian qua, UBND phường tích cực tinh giản bộ máy đảm bảo số lượng biên chế về cán bộ, công chức xã theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 25/6/2020; Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Thực hiện đảm bảo thực hiện theo theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-2020 ngày 25/7/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương Về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức bồi dưỡng và khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, khu dân cư; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, ở thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương

h) THTK, CLP trong hoạt động SX, KD và tiêu dùng của nhân dân:

Địa phương đã tổ chức và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cơ quan tuyên truyền bằng nhiều hình thức cho các tầng lớp nhân dân. Phối hợp với nhiều tổ chức đoàn thể mở các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư,... được nhân dân ủng hộ, tự nguyện thực hiện. Việc tham mưu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở thực hiện nếp sống văn minh, THTK, CLP đã góp phần không nhỏ trong việc THTK, CLP.

Việc cưới, việc tang, mừng thọ theo nếp sống văn minh về cơ bản được tổ chức với tinh thần trang trọng, không phô trương hình thức, giảm được các hiện tượng tiêu cực, rườm rà, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tiết kiệm được kinh phí

và thời gian tổ chức, đáp ứng được nguyện vọng và phù hợp với điều kiện kinh tế của đại bộ phận nhân dân. Các khu dân cư đã xây dựng và thực hiện tốt quy ước văn hóa, trong đó có các nội dung quy định cụ thể để thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, mừng thọ và Lễ hội.

Tổ chức tuyên truyền có hiệu quả cuộc vận động: Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt nam và Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư.

2. Phân tích, đánh giá

a) Kết quả đạt được:

Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, an toàn giao thông và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân.

Từ việc xác định công tác THTK, CLP là một trong những giải pháp quan trọng nhằm góp phần thực hiện tốt việc kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, thời gian qua, các cấp, các ngành đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Trung ương, chỉ đạo của thành phố về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và đạt được kết quả tích cực trên một số lĩnh vực: Kinh tế của phường tiếp tục phát triển: sản xuất nông nghiệp duy trì tăng trưởng; sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn ra vẫn cho năng suất, sản lượng đạt khá; thu ngân sách nhà nước đạt dự toán. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được duy trì và có nhiều tiến bộ: chất lượng giáo dục đại trà được giữ vững, giáo dục mũi nhọn đạt thành tích khá; công tác y tế, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm chỉ đạo, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên; Tiếp tục quan tâm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa. An sinh xã hội được bảo đảm, đời sống nhân dân cơ bản ổn định; Quốc phòng, an ninh được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; không để xảy ra các điểm nóng, các vụ việc phức tạp.

b) Những tồn tại, hạn chế:

- Ý thức chấp hành về thời gian lao động của cán bộ, công chức nhìn chung được nâng lên nhưng hiệu quả sử dụng thời gian lao động cơ bản còn chưa triệt để.

c) Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm:

- Các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ban hành còn thiếu đồng bộ, chưa kịp thời; Một số quy định của Nhà nước ban hành không còn phù hợp với tình hình thực tiễn biến động giá cả thị trường nên khi áp dụng thực hiện còn gặp nhiều khó khăn.

III. Nhiệm vụ và một số giải pháp về THTK, CLP năm 2024.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước có liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Tăng cường công tác tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực

- Tăng cường thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa quản lý hành chính nhà nước, ứng dụng công nghệ thông tin gắn với đổi mới phương thức quản lý trong hoạt động của cơ quan.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan Đảng, đoàn thể, MTTQ để nâng cao hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đi đôi với chống tham nhũng, những nhiễu nhân dân.

- Kiên quyết xử lý theo đúng quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm, gây lãng phí.

Trên đây là báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ và một số giải pháp chủ yếu thực hiện THPT, CLP năm 2024 của UBND phường Văn An./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu Vp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Đức Phú

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Năm 2023

(kèm BC số 5/BC-UBND ngày 5/01/2024 của UBND phường Văn An)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2022	Kế hoạch của năm báo cáo 2023	Kết quả của năm báo cáo 2023	So sánh	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ						
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản					
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản					
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc					
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ					
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng					
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)	triệu đồng					
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	triệu đồng					
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng					
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng					
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng					
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng					
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	triệu đồng					
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng					
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	21.880	50.000	50.0000	228,52	100,00
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	21.570	25.000	25.0000	115,90	100,00
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	36.970	48.000	48.0000	129,84	100,00
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng			-		
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	8.446	8.500	8.5000	100,64	100,00
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	14.400	16.200	16.2000	112,50	100,00

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2022	Kế hoạch của năm báo cáo 2023	Kết quả của năm báo cáo 2023	So sánh	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	69,430	150,000	150,0000	216,04	100,00
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khách tiếp, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	10,437	30,000	30,0000	287,44	100,00
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng		70,000	70,0000		100,00
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng					
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng					
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng					
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng					
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng					
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng					
	Các nội dung khác	triệu đồng					
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng					
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng					
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng					
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng					
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng					
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng					
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị					
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị					
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng					
4	Các nội dung khác	triệu đồng					
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng					
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)						
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc					
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc					
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc					
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc					



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2022	Kế hoạch của năm báo cáo 2023	Kết quả của năm báo cáo 2023	So sánh	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc					
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng					
2	Tài sản khác						
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản					
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản					
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng					
3	Các nội dung khác	triệu đồng					
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng					
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng					
1.1	Số lượng dự án chưa thiết kế cắt giảm	dự án					
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng					
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng					
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng					
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng					
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng					
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng					
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án					
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ						
	Số lượng	dự án					
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng					
2	Trụ sở làm việc						
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2					
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2					
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2					
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2					
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2					

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2022	Kế hoạch của năm báo cáo 2023	Kết quả của năm báo cáo 2023	So sánh	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo
						7=6/4 (%)	8=6/5 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)
2,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2					
2,7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng					
3	Nhà công vụ						
3,1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2					
3,2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2					
3,3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2					
3,4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2					
3,5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2					
3,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2					
3,7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng					
4	Các nội dung khác						
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên						
1	Quản lý, sử dụng đất						
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2					
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2					
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					
1.4	Các nội dung khác						
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác						
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ					
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được						
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án					
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng					
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng					
4	Các nội dung khác	triệu đồng					
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2022	Kế hoạch của năm báo cáo 2023	Kết quả của năm báo cáo 2023	So sánh	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)
1	Số lương vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ					
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					
3	Các nội dung khác	triệu đồng					
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp						
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng					
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng					
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng					
	Tiết kiệm điện	Kw/h					
	Tiết kiệm xăng, dầu	lít					
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng					
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng					
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng					
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng					
2	Quản lý đầu tư xây dựng	triệu đồng					
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án					
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án					
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng					
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng					
	Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng					
	Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng					
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng					
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn	dự án					
	Số lương dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng					
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng					
2.5	Các nội dung khác	triệu đồng					
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN						
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng					



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2022	Kế hoạch của năm báo cáo 2023	Kết quả của năm báo cáo 2023	So sánh	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng					
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng					
4	Mua sắm tài sản, phương tiện						
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con						
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc					
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc					
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng					
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc					
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng					
	Số lượng xe cuối kỳ	chiếc					
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc					
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc					
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng					
5	Nợ phải thu khó đòi						
	Số đầu kỳ	triệu đồng					
	Số cuối kỳ	triệu đồng					
6	Vốn chủ sở hữu						
	Số đầu kỳ	triệu đồng					
	Số cuối kỳ	triệu đồng					
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân						
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ					
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ					
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP						
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc					
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc					

THÀNH HẢI DƯƠNG

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỂM, CHỖNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYỀN DÙNG CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2023



STT	Nội dung/Tiêu chí/Thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C)	100	100
A	Một số chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên	60	60
1	Chi sách, báo, tạp chí	8	8
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	8	8
3	Chi sử dụng điện	8	8
4	Chi xăng, dầu	8	8
5	Chi sử dụng nước	8	8
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	8	8
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	8	8
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	4	4
B.	Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền	40	40
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	15	15
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	30
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	40	40
C.	Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên		
1	Có khoản chi bị Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ	-5	